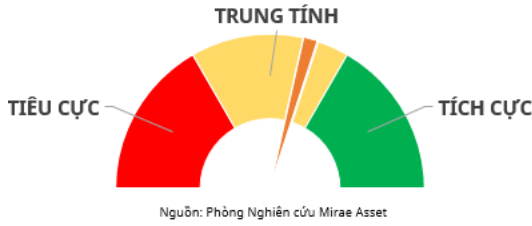


Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn

26 Tháng Bảy 2022



# Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

## Nhận định thị trường

### VN-Index đóng cửa thấp nhất ngày

Nếu như bên mua áp đảo và chiếm ưu thế trong phiên sáng giúp cho VN-Index giữ sắc xanh, thì trong phiên chiều áp lực chốt lời mạnh đã làm chỉ số này mất dần đà tăng và quay đầu giảm điểm. Kết thúc phiên ở điểm thấp nhất trong ngày dừng chân tại 1,185 điểm, ghi nhận mức giảm hơn 3,4 điểm tương ứng 0,3%. Thanh khoản tiếp tục suy giảm khi đạt hơn 388 triệu đơn vị khớp lệnh tương ứng giảm gần 6% với giá trị đạt hơn 8,069 tỷ đồng.

Nhóm thép bất ngờ quay đầu giảm mạnh khi mà NKG (-5,1%), HSG (-5,7%) và HPG (-1,1%). Bên cạnh đó nhóm cổ phiếu thủy sản cũng chịu áp lực bán với nhiều mã giảm ACL (-7%), ANV (-5%), IDI (-5%) và VHC (-5%). Ngược chiều với đó, nhóm cổ phiếu dầu khí có diễn biến khởi sắc hơn khi mà PVD (+2%), PVS (1,3%); BSR (1,5%).

Khối ngoại cũng duy trì xu hướng mua ròng nhẹ với hơn 56 tỷ đồng với VCB và MWG đứng đầu ở chiều mua với giá trị lần lượt 23 tỷ và 22 tỷ. Còn ở chiều ngược lại, DGC và VNM lần lượt bán ròng 39 tỷ và 17 tỷ

Diễn biến giảm điểm đã khiến cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index giảm từ mức đánh giá 4 điểm KHẢ QUAN xuống mức 2 điểm TRUNG TÍNH. Mức P/E hiện tại của Vn-Index ở mức 12,6x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Kospi	5	<b>KHẢ QUAN</b>
Nikkei 225	6	<b>KHẢ QUAN</b>
FTSE 100 (EU)	4	<b>KHẢ QUAN</b>
Dow Jones	6	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

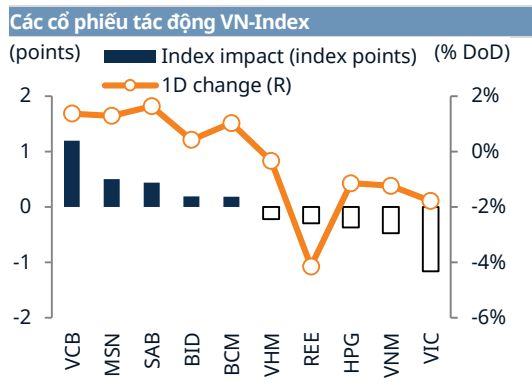
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,185.07	-0.3	0.0	-6.9
HNX	282.88	-0.9	2.5	-6.6
UPCOM	88.41	0.1	1.5	5.4
MSCI EM	987.08	-0.3	-2.4	-22.9
NIKKEI	27,655.21	-0.2	4.4	-0.6
HANG SENG	20,905.88	1.7	-3.7	-20.2
KOSPI	2,412.96	0.4	2.0	-25.2
FTSE	7,354.58	0.7	2.0	4.7
S&P 500	3,966.84	0.1	1.4	-10.3
NASDAQ	11,782.67	-0.4	1.5	-20.6

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	12.6	2.0	16.0
Indonesia	15.6	2.1	13.0
Philippines	17.8	1.5	8.9
Malaysia	15.9	1.5	9.1
Thailand	16.7	1.1	9.2

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	2.9	15	49	185
10 năm	3.3	5	6	119

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,364	0.1	-0.5	-1.5
US\$/KRW	1,307.9	0.4	-1.6	-11.7
US\$/JPY	136.5	0.2	-0.7	-19.1
US\$/EUR	1.0	0.0	3.6	15.5
US\$/GBP	0.8	0.1	2.0	14.8
US\$/SGD	1.4	0.0	0.0	-2.0

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	372	438	906
HNX	51	48	118
UPCOM	25	29	70



## Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

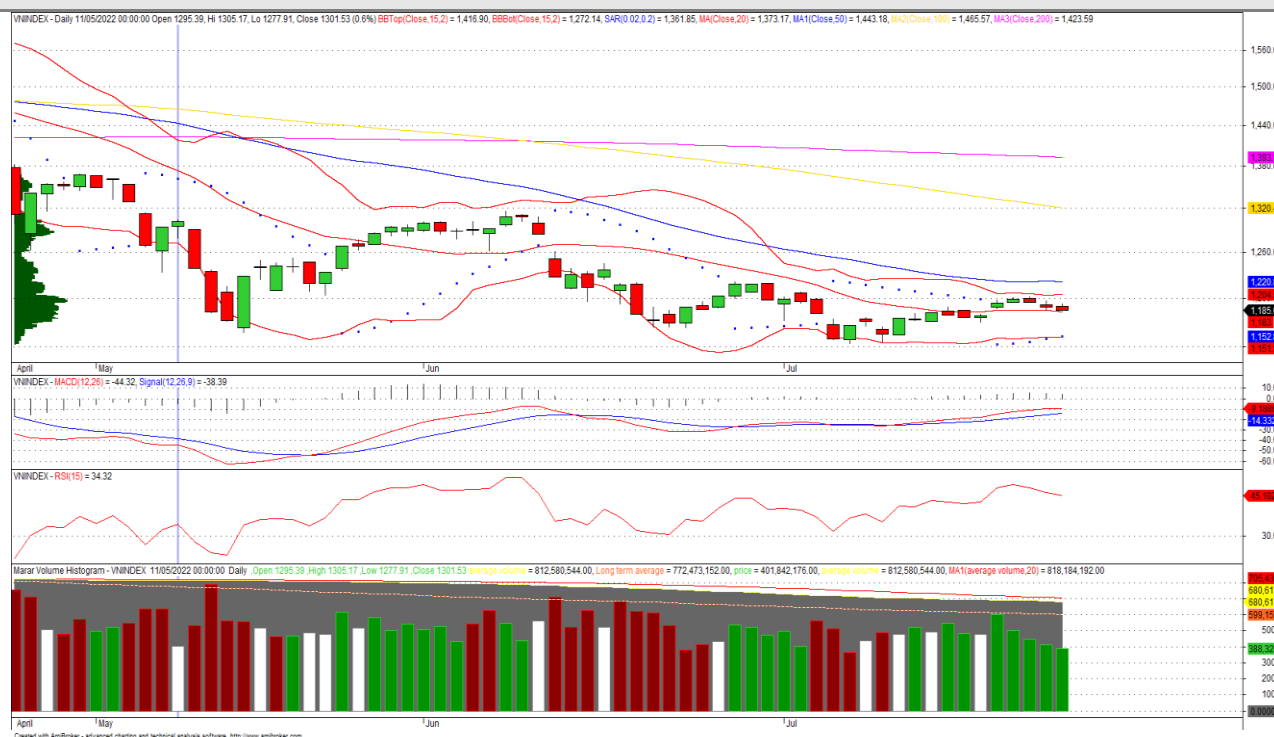
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/07/2022)	Kháng cự 1	<b>1.200</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.280</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.186</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.140</b>

VN-Index đang kiểm định ngưỡng hỗ trợ quanh ngưỡng MA 20 ngày, thanh khoản có phần suy giảm

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

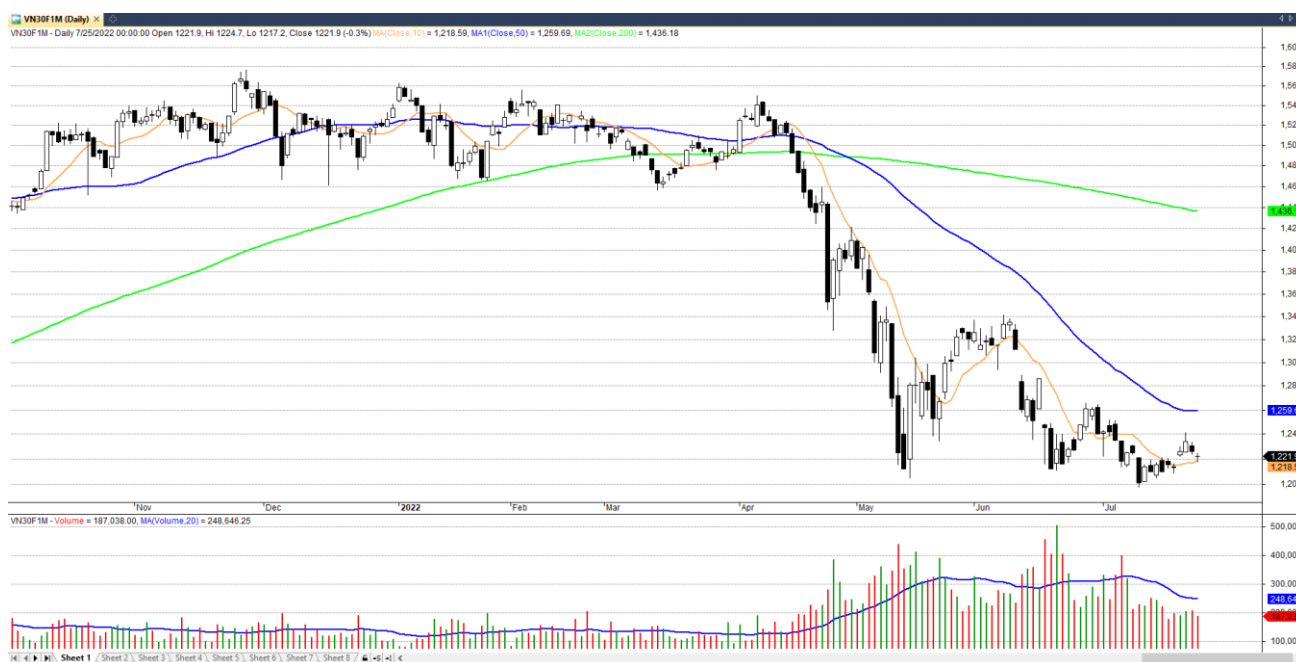
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (26/07/2022)	1.218.9	Kháng cự 1	<b>1.220</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TRUNG TÍNH</b>	Kháng cự 2	<b>1.250</b>
VN30 - đóng cửa	1.218.5	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>+0,41</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.180</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	<b>-4</b>	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	<b>-1</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart ngày)	<b>2</b>	<b>TRUNG TÍNH</b>

VN30F1M không giữ được ngưỡng hỗ trợ quanh vùng hỗ trợ MA 20 ngày, thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
HAX	Phân phối ô tô	20,550	610,220	97	5	
VGC	Vật liệu xây dựng	56,200	1,019,700	77	4	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
KDC	64.7	1,100,060	7	KHẢ QUAN	16,280	29.0	2.4	71
NT2	25.35	1,549,135	6	KHẢ QUAN	7,298	8.1	1.6	39
DXG	22.5	7,845,545	5	KHẢ QUAN	13,669	15.0	1.5	177
VCG	21.5	3,189,655	5	KHẢ QUAN	10,446	12.5	1.6	69
MSN	110	614,565	5	KHẢ QUAN	156,610	15.6	5.7	68
VCB	73.9	903,570	5	KHẢ QUAN	349,733	14.0	2.8	67
LCG	11.8	3,656,055	5	KHẢ QUAN	2,034	10.3	0.9	43
FCN	15.4	2,500,435	5	KHẢ QUAN	2,425	43.1	0.9	39
HHV	14.7	1,735,545	5	KHẢ QUAN	3,931	13.3	0.6	26
BSR	24.3	12,216,010	4	KHẢ QUAN	75,342	11.5	2.0	297
MWG	63	3,209,710	4	KHẢ QUAN	92,214	17.9	4.1	202
FPT	84.8	1,400,815	4	KHẢ QUAN	93,028	18.8	4.8	119
FRT	77	1,198,545	4	KHẢ QUAN	9,122	15.8	5.0	92
GAS	104.7	833,445	4	KHẢ QUAN	200,391	20.5	3.7	87
HAH	66.6	1,243,075	4	KHẢ QUAN	4,549	8.3	2.7	83
HDG	48.6	1,384,435	4	KHẢ QUAN	11,888	11.3	2.6	67
GMD	50.4	1,299,835	4	KHẢ QUAN	15,189	22.3	2.3	66
VGC	56.2	1,019,700	4	KHẢ QUAN	25,197	12.9	3.3	57
PC1	37.05	1,467,770	4	KHẢ QUAN	8,713	11.4	1.8	54
DGW	60.7	630,230	4	KHẢ QUAN	9,899	12.7	4.9	38
DPG	40.5	875,520	4	KHẢ QUAN	2,551	7.1	1.7	35
VPG	29.85	822,505	4	KHẢ QUAN	2,394	6.1	1.5	25
LPB	14.7	7,133,295	3	TRUNG TÍNH	22,103	4.6	0.9	105
KDH	37.05	782,395	3	TRUNG TÍNH	26,559	21.7	2.5	29
DIG	35.1	9,158,840	2	TRUNG TÍNH	21,406	20.3	2.9	321
DGC	95.7	1,905,365	2	TRUNG TÍNH	35,528	7.7	3.9	182
HBC	20.4	5,005,625	2	TRUNG TÍNH	5,011	45.5	1.4	102
HNG	6.55	11,771,385	2	TRUNG TÍNH	7,261	#N/A N/A	1.4	77
REE	76.3	920,410	2	TRUNG TÍNH	27,117	12.7	2.0	70
VPI	62.9	1,107,290	2	TRUNG TÍNH	13,838	34.1	4.5	70
HDC	42.75	1,369,745	2	TRUNG TÍNH	4,621	13.9	3.0	59
VIB	25.65	2,091,795	2	TRUNG TÍNH	54,062	7.5	1.9	54

SCR	11.15	3,972,820	2	TRUNG TÍNH	4,085	19.6	0.8	44
HQC	5	8,257,025	2	TRUNG TÍNH	2,383	293.6	0.5	41
VRE	26.05	1,434,635	2	TRUNG TÍNH	59,194	65.0	1.9	37
SZC	49.4	638,840	2	TRUNG TÍNH	4,940	17.9	3.5	32
MBS	20.8	1,326,825	2	TRUNG TÍNH	5,566	8.2	1.5	28
MBB	25.15	7,181,710	0	TRUNG TÍNH	95,025	6.9	1.5	181
GEX	21.5	7,687,210	0	TRUNG TÍNH	18,307	15.9	1.4	165
CEO	30	5,455,495	0	TRUNG TÍNH	7,720	52.6	2.5	164
VHM	58.7	2,471,305	0	TRUNG TÍNH	255,601	6.7	2.0	145
POW	13	10,835,870	0	TRUNG TÍNH	30,444	15.1	1.0	141
SHS	12.2	9,819,960	0	TRUNG TÍNH	5,075	8.0	1.1	120
DCM	29.05	3,865,510	0	TRUNG TÍNH	15,379	5.1	1.7	112
NVL	73.9	1,455,580	0	TRUNG TÍNH	144,093	34.1	4.0	108
HUT	28.7	3,341,060	0	TRUNG TÍNH	10,006	54.6	2.5	96
PVD	16.6	4,563,170	0	TRUNG TÍNH	8,389	146.6	0.6	76
PNJ	112	644,480	0	TRUNG TÍNH	27,145	21.1	3.3	72
NLG	37	1,497,170	0	TRUNG TÍNH	14,169	18.1	1.6	55
ACB	24.05	2,123,315	0	TRUNG TÍNH	81,227	7.8	1.7	51
AAA	12.1	3,822,805	0	TRUNG TÍNH	4,626	12.6	0.8	46
TCH	11.35	3,920,595	0	TRUNG TÍNH	7,584	14.8	0.8	44
TPB	27	1,502,855	0	TRUNG TÍNH	42,707	7.7	1.5	41
ASM	14.25	2,654,195	0	TRUNG TÍNH	4,796	6.9	0.9	38
GVR	22.75	1,441,360	0	TRUNG TÍNH	91,000	20.7	1.8	33
KSB	25.45	1,161,020	0	TRUNG TÍNH	1,942	9.0	1.0	30
PHR	65.4	445,710	0	TRUNG TÍNH	8,862	13.4	2.7	29
HPG	21.65	18,701,250	-1	TRUNG TÍNH	125,890	3.8	1.3	405
BCG	14.2	3,816,340	-1	TRUNG TÍNH	7,147	6.5	1.1	54
IDI	18.35	2,525,215	-1	TRUNG TÍNH	4,177	8.1	1.2	46
PAN	21.6	1,246,875	-1	TRUNG TÍNH	4,512	12.9	1.1	27
MIG	22.7	1,145,585	-1	TRUNG TÍNH	3,733	19.1	1.8	26
HCM	25.3	6,862,920	-2	TRUNG TÍNH	11,567	10.0	1.5	174
TCB	36.6	4,292,915	-2	TRUNG TÍNH	128,499	6.3	1.2	157
VCI	37.7	4,016,520	-2	TRUNG TÍNH	12,630	8.3	1.8	151
PVS	22.8	6,574,430	-2	TRUNG TÍNH	10,898	16.2	0.9	150
SHB	14.1	9,685,370	-2	TRUNG TÍNH	37,603	5.9	1.0	137
KBC	36	3,772,620	-2	TRUNG TÍNH	27,634	41.6	1.9	136
VNM	72	1,863,720	-2	TRUNG TÍNH	150,477	16.4	4.7	134
DPM	45.05	2,939,385	-2	TRUNG TÍNH	17,630	3.5	1.4	132
IDC	58.6	1,852,985	-2	TRUNG TÍNH	19,338	29.5	4.7	109
CII	19.1	3,980,440	-2	TRUNG TÍNH	4,817	15.1	0.9	76
VIX	10.55	6,270,315	-2	TRUNG TÍNH	5,794	5.1	0.9	66
PVT	19	1,985,940	-2	TRUNG TÍNH	6,149	9.1	1.1	38
SBT	17.8	1,817,605	-2	TRUNG TÍNH	11,199	15.6	1.3	32
FTS	29.9	857,665	-2	TRUNG TÍNH	5,736	7.4	1.8	26
VND	18.2	23,350,916	-3	TRUNG TÍNH	22,165	4.9	1.4	425
SSI	20.25	17,846,630	-3	TRUNG TÍNH	30,175	7.1	1.4	361
CTG	26.55	3,730,375	-3	TRUNG TÍNH	127,593	10.4	1.3	99
VHC	78.8	1,165,165	-3	TRUNG TÍNH	14,450	7.1	2.0	92

ANV	43.6	1,324,130	-3	TRUNG TÍNH	5,543	11.3	2.0	58
GEG	21	1,838,580	-3	TRUNG TÍNH	6,761	19.2	1.9	39
LDG	9.1	3,368,910	-3	TRUNG TÍNH	2,179	16.0	0.7	31
STB	22.95	15,718,440	-4	TIÊU CỰC	43,266	11.0	1.2	361
VPB	27.7	8,274,575	-4	TIÊU CỰC	123,140	7.4	1.4	229
HAG	11	20,767,220	-4	TIÊU CỰC	10,201	19.9	2.2	228
DBC	26.4	5,041,645	-4	TIÊU CỰC	6,389	13.5	1.4	133
BID	35.55	2,002,415	-4	TIÊU CỰC	179,831	15.7	2.1	71
PDR	52.3	1,332,975	-4	TIÊU CỰC	35,127	16.8	4.6	70
VJC	125.1	507,810	-4	TIÊU CỰC	67,756	346.1	4.0	64
HDB	23.6	1,450,455	-4	TIÊU CỰC	47,488	7.3	1.5	34
NKG	17.5	8,648,810	-5	TIÊU CỰC	4,607	1.8	0.7	151
HSG	16.6	6,944,770	-5	TIÊU CỰC	8,273	2.3	0.7	115
VIC	66.1	1,354,715	-5	TIÊU CỰC	252,101	#N/A N/A	2.4	90
ITA	7.13	9,679,935	-5	TIÊU CỰC	6,690	30.3	0.6	69
BVH	54.4	1,142,380	-5	TIÊU CỰC	40,382	21.5	1.9	62
TNG	25.8	2,303,910	-5	TIÊU CỰC	2,583	8.9	1.8	59
VOS	16.4	1,947,990	-5	TIÊU CỰC	2,296	4.1	2.2	32
CTD	56.4	713,505	-6	TIÊU CỰC	4,166	#N/A N/A	0.5	40
FLC	5.33	7,829,785	-7	TIÊU CỰC	3,784	#N/A N/A	0.4	42

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Ngành thủy sản xuất siêu gần 4,5 tỷ USD nửa đầu năm

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu nhóm hàng thủy sản 6 tháng đầu năm 2022 đạt gần 5,71 tỷ USD, tăng 38,4% so với cùng kỳ năm 2021. Riêng tháng 6, xuất khẩu thủy sản ở mức 1,01 tỷ USD, giảm 5,3% so với tháng 5 nhưng tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước. Mỹ là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm 23% trong tổng kim ngạch, ở mức 1,31 tỷ USD, tăng 45,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, riêng tháng 6, xuất khẩu ở mức 217 triệu USD, giảm 11,7% so với tháng 5. Đứng thứ hai về kim ngạch xuất khẩu mặt hàng Việt Nam là thị trường Trung Quốc, chiếm tỷ trọng 14,5%, ở mức 828,73 triệu USD, tăng 89,3%. Trong tháng 6, xuất khẩu sang thị trường này đạt 133,4 triệu USD, giảm 22% so với tháng 5. Thị trường Nhật Bản đứng thứ ba với kim ngạch tăng 17,6% so với nửa đầu năm 2021, ở mức 800 triệu USD, chiếm 14% trong tổng kim ngạch. Tháng 6, giá trị xuất khẩu sang thị trường này tăng 8,3% so với tháng 5 và tăng 27% so với cùng kỳ năm trước với 161 triệu USD. Ở chiều ngược lại, 6 tháng đầu năm, Việt Nam nhập khẩu thủy sản 1,24 tỷ USD, tăng 20,4% so với cùng kỳ năm 2021. Riêng tháng 6, nhập khẩu đạt kim ngạch 251 triệu USD, tăng 9,5% so với tháng 5 và 58% so với cùng kỳ năm ngoái. Các thị trường cung cấp nhiều thủy sản nhất cho Việt Nam trong 6 tháng đầu năm là Ấn Độ (chiếm 12,2%), Indonesia (chiếm 9,7%), Na Uy (chiếm 9,7%).

### VCB: báo lãi quý II tăng 50%, tỷ lệ bao phủ nợ xấu vượt 500%

Vietcombank ([HoSE: VCB](#)) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý II, thu nhập lãi thuần đạt 12.797 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2021. Hoạt động dịch vụ báo lãi 694 tỷ đồng, tăng 62%. Hoạt động kinh doanh ngoại hối ghi nhận lãi 1.471 tỷ đồng, tăng 49%. Mảng mua bán chứng khoán kinh doanh lãi 18,6 tỷ đồng, tăng 2 lần so với quý II/2021. Hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư lãi 84,8 tỷ đồng trong khi cùng kỳ không ghi nhận. Lãi từ hoạt động khác đạt 880 tỷ đồng, tăng gần 2,5 lần so với cùng kỳ năm trước. Chi phí hoạt động của ngân hàng trong quý II tăng 23% lên hơn 5.815 tỷ đồng. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng ở mức 2.733 tỷ đồng, giảm 15%. Kết quả, ngân hàng báo lãi trước thuế đạt 7.423 tỷ đồng, tăng 50% so với cùng kỳ. Lũy kế 6 tháng đầu năm, lãi trước thuế đạt 17.373 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước, tương đương với việc thực hiện 56,7% kế hoạch năm. Tính đến hết 30/6 tổng tài sản ghi nhận 1,6 triệu tỷ đồng, tăng 13,3% so với đầu năm. Tiền mặt ở mức 15.097 tỷ đồng, giảm 16,2%, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước tăng 28% lên 28.813 tỷ đồng, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng tăng 13,2% lên 255.548 tỷ đồng.

### MSB báo lãi 6 tháng tăng 7%, nợ xấu giảm 6%

MSB ([HoSE: MSB](#)) công bố kết quả kinh doanh quý II với thu nhập lãi thuần đạt 2.059 tỷ đồng, tăng gần 40% so với cùng kỳ năm 2021. Hoạt động kinh doanh ngoại hối lãi 315 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần. Hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư lãi 557,7 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 337,2 tỷ đồng. Mặt khác, hoạt động kinh doanh ngoại hối chỉ lãi bằng 12% so với cùng năm trước ghi nhận ở mức 243,6 tỷ đồng. Hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh báo lỗ 1,3 tỷ đồng, quý II/2021 ghi nhận lỗ

138 triệu đồng. Hoạt động khác báo lỗ 390 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 16,3 tỷ đồng. Trong quý II, chi phí hoạt động của ngân hàng là hơn 1.058 tỷ đồng, giảm 2,2% so với cùng kỳ. Chi phí dự phòng rủi ro ở mức 115 tỷ đồng, cùng kỳ năm 2021 được hoàn nhập 241,2 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận 1.840,9 tỷ đồng, giảm 6,6% so với cùng kỳ.

Lũy kế 6 tháng, ngân hàng báo lãi trước thuế bán niên đạt 3.335 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021, tương đương 49% kế hoạch năm. Tính đến hết 30/6, tổng tài sản giảm 4,2% so với đầu năm, xuống 195.057 tỷ đồng. Trong đó, tiền mặt tăng 7,1%, lên 1.631 tỷ đồng, tiền gửi Ngân hàng Nhà nước giảm 30% xuống 2.120 tỷ đồng, tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ở mức 27.914 tỷ đồng, giảm 16,5%.

### **HPG: lãi 4.023 tỷ đồng quý II, giảm 59% so cùng kỳ năm trước**

Tập đoàn Hòa Phát ([HoSE: HPG](#)) công bố doanh thu quý II đạt 37.714 tỷ đồng, tăng 6%; lợi nhuận sau thuế 4.023 tỷ đồng, giảm 59% so với cùng kỳ năm trước và ghi nhận mức thấp nhất trong 7 quý. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu 82.118 tỷ đồng, tăng 24%; lợi nhuận sau thuế 12.229 tỷ, giảm 27% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện 46% kế hoạch năm. Tập đoàn cho biết trong quý II, mặc dù thị trường nguyên liệu trên thế giới có nhiều diễn biến phức tạp do cuộc xung đột Nga – Ukraine nhưng đơn vị vẫn duy trì sản xuất ổn định, đảm bảo cung cấp đủ hàng hóa cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Sản lượng bán hàng phôi thép, thép xây dựng, thép cuộn cán nóng quý II đạt 1,8 triệu tấn, trong đó có gần 380.000 tấn thép xây dựng xuất khẩu. Tiêu thụ ống thép, tôn mạ lần lượt đạt 159.000 và 75.000 tấn. Hòa Phát tiếp tục duy trì vị thế thị phần số 1 Việt Nam về thép xây dựng (36,2%) và ống thép (28,8%). Lũy kế 6 tháng đầu năm, Hòa Phát đã sản xuất 4,3 triệu tấn thép thô, tăng 8% so với cùng kỳ. Tiêu thụ thép xây dựng, phôi thép và HRC đạt gần 4 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ. Trong đó, thép xây dựng là 2,38 triệu tấn, tăng 29%. Sau nửa năm, bán hàng HRC ghi nhận 1,4 triệu tấn, tăng 7% so với cùng kỳ. Sản phẩm hạ nguồn HRC như ống thép, tôn mạ đạt lần lượt 377.000 tấn và 180.000 tấn, tương đương mức tiêu thụ nửa đầu năm 2021.

### **VSH: lãi quý II tăng hơn 90% so với cùng kỳ**

CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh ([HoSE: VSH](#)) vừa công bố BCTC hợp nhất quý II. Doanh thu thuần tăng 32,6% lên hơn 661 tỷ đồng. Giá vốn sản xuất điện tăng ít hơn với 8,4% lên 252,5 tỷ đồng, nên lợi nhuận gộp tăng 54% lên 408,6 tỷ đồng. Theo thông tin của doanh nghiệp, tình hình thủy văn tại khu vực miền Trung 6 tháng đầu năm 2022 thuận lợi, tổng sản lượng điện thương phẩm trong quý II tăng 7,5% so với cùng kỳ, lên 557,5 triệu kWh. Doanh thu hoạt động sản xuất điện tăng 32,7% lên hơn 661 tỷ đồng, do sản lượng điện tăng và giá bán điện bình quân khi tham gia thị trường điện của 3 nhà máy thủy điện cao hơn so với cùng kỳ. Chi phí sản xuất điện tăng 11% lên 268,3 tỷ đồng chủ yếu do sản lượng điện phát tăng dẫn đến các khoản chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng cũng tăng theo. Doanh thu tài chính tăng 17,4% lên 3,2 tỷ đồng do doanh nghiệp phát sinh lãi thu từ các hợp đồng tiền gửi, trong khi chi phí tài chính đi ngang ở mức 110,7 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 83% lên 15,8 tỷ đồng. Kết quả, lợi nhuận sau thuế tăng hơn 90% lên 257 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu 1.088



đồng, cùng kỳ 542 đồng. Tuy lợi nhuận tăng mạnh so với cùng kỳ nhưng giảm so với quý I.

#### **QNS: Lợi nhuận quý II đi ngang**

Đường Quảng Ngãi ([UPCoM: QNS](#)) vừa công bố báo cáo tài chính quý II với doanh thu đạt 2.226 tỷ đồng, tăng khoảng 9,1% so với cùng kỳ năm 2021. Trong cả 3 mảng kinh doanh, mảng sữa đậu nành chiếm 60% doanh thu ghi nhận mức tăng 230 tỷ đồng, trong khi doanh thu mảng kinh doanh sản phẩm đường và công ty con Thành Phát (kinh doanh các sản phẩm nước giải khát, bia và tiêu thụ sản phẩm đường) giảm nhẹ. Giá vốn hàng bán tăng nhiều hơn mức tăng doanh thu khiến biên lợi nhuận gộp giảm từ 32,2% về 29,6%. Biên lợi nhuận gộp của mảng sữa đậu nành với thương hiệu Vinasoy không biến động so với kỳ trước. Kết quả, LNST và EPS quý II không thay đổi nhiều so với quý II/2021, lần lượt đạt 365 tỷ đồng và 1.194 đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2022, doanh thu đạt 4.045 tỷ đồng, tăng gần 10% và đạt 50,5% kế hoạch đề trong năm 2022. Giá vốn hàng bán tăng ở mức tương ứng khiến biên lợi nhuận đi ngang. Trong các chi phí, chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất và tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước. Vì vậy, lợi nhuận sau thuế còn 541 tỷ đồng, tăng 3,8% và bằng 53,7% kế hoạch năm. EPS đạt 1.777 đồng.

#### **VGC: vượt kế hoạch lợi nhuận năm sau 6 tháng nhờ mảng kính và KCN**

Tổng công ty Viglacera ([HoSE: VGC](#)) vừa công bố kết quả kinh doanh quý II với doanh thu thuần 4.268 tỷ đồng, tăng 45,3% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán tăng 35,1% lên 2.956 tỷ đồng giúp biên lãi gộp được cải thiện từ 26,7% lên 30,7%. Doanh thu tài chính đạt 22,1 tỷ đồng, gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm 2021 nhờ lãi tiền gửi ngân hàng tăng. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng như chi phí tài chính đều tăng lần lượt 71,2%; 47% và 65,4%. Qua đó, Viglacera ghi nhận lãi sau thuế đạt gần 691 tỷ đồng, tăng 98% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 641 tỷ đồng, tăng 91%. Theo giải trình từ phía công ty, lợi nhuận ròng quý này tăng nhờ việc doanh thu mảng bất động sản tiếp tục tăng. Ngoài ra, Viglacera đã nâng sở hữu từ 35% lên 65% vốn điều lệ của công ty Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ từ quý IV/2021 nên lợi nhuận của đơn vị này cũng đóng góp thêm vào sự tăng trưởng chung của tổng công ty. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần của công ty đạt 8.100 tỷ đồng, tăng 52,8% so với nửa đầu năm 2021. Trong đó, doanh thu bán các sản phẩm kính, gương đạt 1.514 tỷ đồng, chiếm 19% tổng doanh thu và gấp 3,2 lần cùng kỳ 2021. Doanh thu cho thuê hạ tầng khu công nghiệp tăng 40% lên 2.352 tỷ đồng.

#### **BSR: báo lãi kỷ lục hơn 9.900 tỷ đồng quý II**

Lọc Hóa Dầu Bình Sơn ([UPCoM: BSR](#)) vừa công bố báo cáo tài chính với doanh thu 52.391 tỷ đồng, tăng 88,1% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán tăng 54,5% lên 41.705 tỷ đồng giúp biên lãi gộp của đơn vị này cải thiện từ 6,7% lên 20,4%. Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 2,3% lên 292,1 tỷ đồng nhờ lãi tiền gửi ngân hàng tăng và lãi chênh lệch tỷ giá. Chi phí tài chính, chi phí bán hàng tăng lần lượt 63% và 23,2% so với quý II/2021 trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 96,1 tỷ đồng. Kết quả, Bình Sơn ghi nhận lợi nhuận sau thuế 9.909 tỷ đồng,

gấp 5,9 lần so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là mức lãi kỷ lục trong lịch sử hoạt động của đơn vị này. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 9.926 tỷ đồng, gấp 5,8 lần quý II/2021, EPS cải thiện từ 544 đồng lên 3.302 đồng. Ông Bùi Ngọc Dương, Tổng giám đốc Lọc hóa dầu Bình Sơn cho biết doanh nghiệp có 2 nhiệm vụ gồm đảm bảo an toàn vận hành nhà máy và đảm bảo an ninh năng lượng nên phải duy trì công suất hoạt động. Công ty phải đặt hàng dầu thô nguyên liệu ít nhất trước 2 tháng cho kế hoạch sản xuất. Do vậy, khi giá dầu tăng, giá dầu thành phẩm sẽ tăng hỗ trợ doanh thu và lợi nhuận. Khi giá giảm, doanh nghiệp gặp rủi ro giảm giá hàng tồn kho và phải dự phòng làm giảm lợi nhuận. Do vậy, doanh nghiệp phải kiểm soát hàng tồn kho rất “khéo”, đưa ra nhiều kế hoạch mua hàng khác nhau để đảm bảo tối ưu. Ông Dương cho biết thêm diễn biến thị trường tương đối thuận lợi trong 6 tháng đầu năm, giá dầu tăng cao so với dự báo, chênh lệch giá giữa sản phẩm và dầu thô được các tổ chức ấn định cao. Điều này giúp lợi nhuận đạt đỉnh.

### **BMP: báo lãi quý 2/2022 tăng 247% so với cùng kỳ, đạt mức cao nhất trong vòng 6 quý**

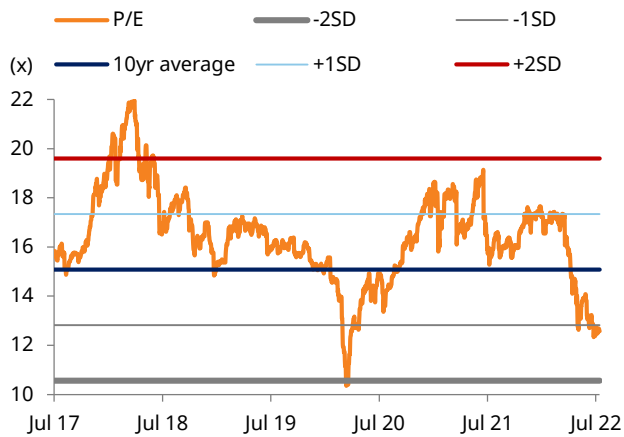
CTCP Nhựa Bình Minh (mã chứng khoán: BMP) đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 2/2022 với doanh thu thuần đạt 1.555 tỷ đồng, tăng gần 7% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng nhưng giá vốn hàng bán lại giảm giúp biên lãi gộp được cải thiện từ 12,9% lên 25,1% tương ứng lợi nhuận gộp đạt 391 tỷ đồng, gấp 2 lần so với cùng kỳ. Trong kỳ, doanh thu tài chính giảm 29% từ 17 tỷ đồng xuống còn hơn 12 tỷ đồng, một phần nguyên nhân đến từ sự gia tăng chi phí tài chính trong kỳ lên 41 tỷ đồng (+4%). Ngoài ra BMP còn ghi nhận phần lỗ không đáng kể từ công ty liên kết, liên doanh gần 700 triệu đồng, trong khi cùng kỳ năm trước lãi hơn 700 triệu đồng. Sau khi trừ đi các chi phí khác, Nhựa Bình Minh lãi ròng ghi nhận 145 tỷ đồng, tương ứng tăng 247% so với cùng kỳ năm trước. Kể từ quý 3/2020, lãi sau thuế hợp nhất của Nhựa Bình Minh đạt 153 tỷ đồng. Như vậy, sau 2 năm ảnh hưởng bởi Covid-19, BMP đã có lãi cao nhất trong vòng 6 quý trở lại đây, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.774 đồng.

### **C47: trúng thầu dự án thủy điện tại Lào giá trị gần 800 tỷ, nâng tổng giá trị hợp đồng ký mới trong năm 2022 lên hơn 1.200 tỷ đồng**

Ngoài ra C47 đang xúc tiến đấu thầu và đàm phán hợp đồng các dự án mới trong năm 2022-2023 với tổng giá trị khoảng 5.000 tỷ đồng, đảm bảo công việc gối đầu liên tục cho các năm sau. CTCP Xây Dựng 47 (C47) vừa thông báo đã ký kết hợp đồng thi công Đập Nam Pha, Nam Phak và Phouphong thuộc Dự án thủy điện Nam Phak, nước CHDCND Lào với CTCP Sông Đà 5 (SĐ5). Đây là hợp đồng mở đầu trong chương trình hợp tác chiến lược của C47 và SĐ5 được ký kết trước đó, nhằm khai thác và phát huy thế mạnh trên các lĩnh vực hoạt động và kinh doanh của hai đơn vị, đặc biệt là thực hiện thi công các dự án lớn ở nước ngoài. Hợp đồng gồm các hạng mục: Hợp đồng thi công Đập Nam Pha, Nam Phak, Phouphong và Hợp đồng thiết kế cấp phối và thí nghiệm phục vụ thi công xây dựng Dự án thủy điện Nam Phak, với tổng giá trị gần 800 tỷ đồng, thời gian hoàn thành dự kiến là 1.458 ngày. Để ký kết được hợp đồng này, gần một năm qua C47 và SĐ5 đã phối hợp đàm phán với Chủ đầu tư dự án. Hợp đồng thi công có khối lượng chính là khoảng 6 triệu m3 đào đắp đất đá, đây là một trong những nội dung công việc thế mạnh của C47.

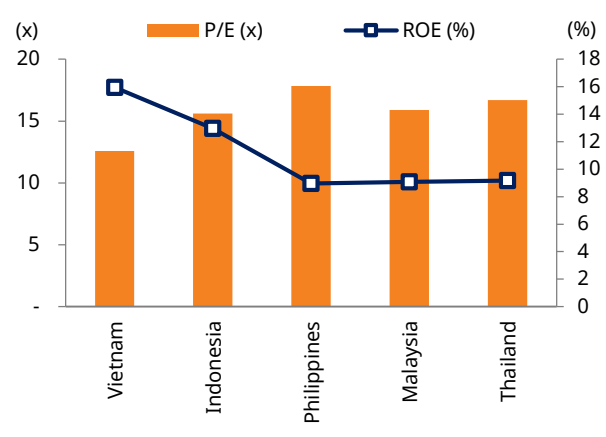
## Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ 2. VN Index: Định giá P/E lịch sử**



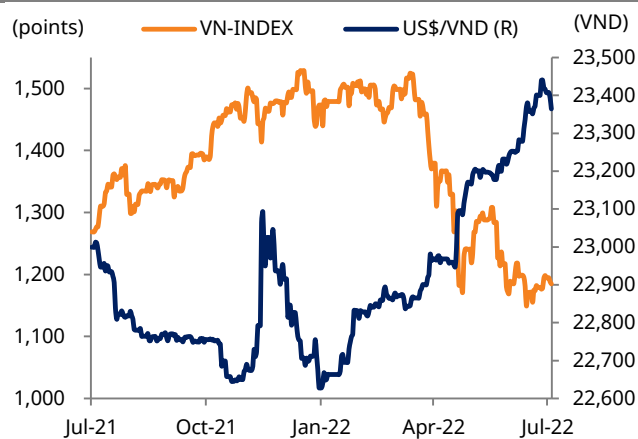
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. Định giá P/E và ROE các thị trường**



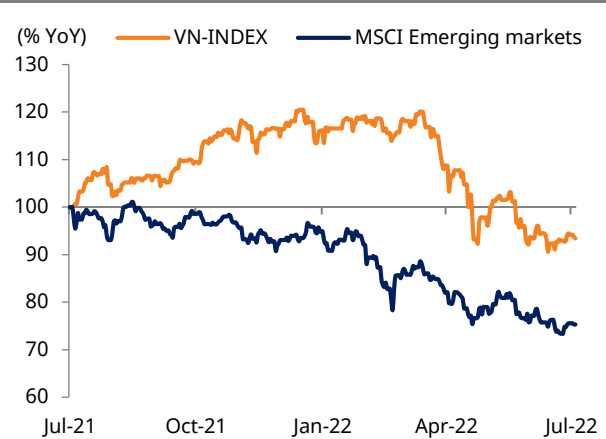
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. VN-Index và USD/VND**



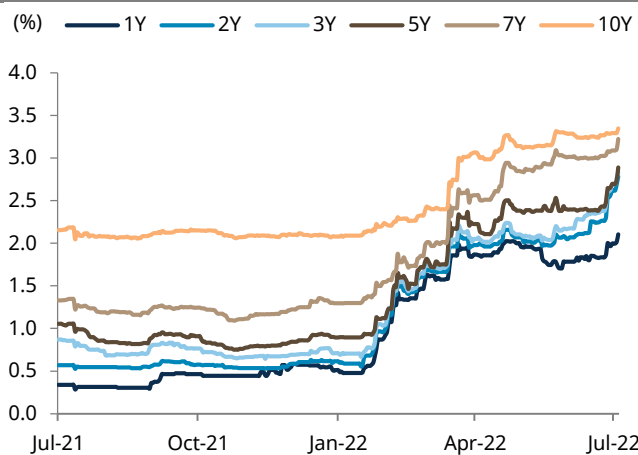
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. VN Index và MSCI Emerging Markets**



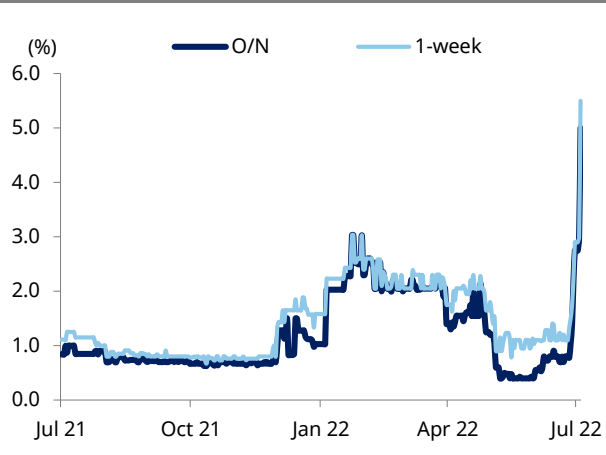
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>VN-Index</b>	<b>1,185.07</b>	<b>4,721,502</b>		<b>-0.3</b>	<b>-1.1</b>	<b>0.0</b>	<b>-6.9</b>	<b>13.7</b>	<b>11.3</b>	<b>2.1</b>	<b>1.9</b>	<b>35.3</b>	<b>21.2</b>	<b>15.5</b>	<b>19.2</b>
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30</b>	<b>1,218.49</b>	<b>3,260,634</b>		<b>-0.3</b>	<b>-1.4</b>	<b>-1.4</b>	<b>-13.2</b>	<b>11.4</b>	<b>10.2</b>	<b>2.2</b>	<b>1.8</b>	<b>38.5</b>	<b>12.4</b>	<b>19.6</b>	<b>20.9</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,050	81,227	30.0	0.0	-2.4	1.1	-8.1	8.6	6.6	1.8	1.4	24.6	31.0	23.5	24.9
BIDV	BID VN	35,550	179,831	16.9	0.4	-2.6	13.9	11.8	20.6	13.5	2.2	1.9	50.3	52.4	11.0	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	54,400	40,382	26.6	-1.8	-4.1	-0.7	7.5	21.3	17.0	1.9	1.7	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	26,550	127,593	26.6	-0.2	-3.5	7.3	-17.4	9.1	6.8	1.4	1.1	18.2	32.8	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	84,800	93,028	48.9	-0.7	-0.2	-0.8	8.6	23.4	17.5	5.1	4.5	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	104,700	200,391	2.9	0.0	0.6	-8.2	18.6	24.0	15.2	3.9	3.4	8.1	58.1	16.8	23.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	22,750	91,000	0.4	-0.2	-4.0	0.0	-30.0	21.9	18.6	1.9	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	23,600	47,488	17.0	0.0	-1.9	2.6	-9.2	7.8	6.6	1.6	1.3	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	21,650	125,890	20.5	-1.1	-4.6	-0.7	-38.3	3.9	4.3	1.4	1.0	151.5	-8.3	42.8	28.6
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	37,050	26,559	28.8	2.1	0.3	6.0	4.1	22.8	19.0	2.6	2.3	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	25,150	95,025	23.2	-0.4	-1.8	6.1	-7.5	7.5	6.1	1.6	1.3	53.0	22.4	23.6	23.8
Masan Group Corp	MSN VN	110,000	156,610	28.9	1.3	4.3	0.5	9.0	18.2	24.7	4.7	4.0	589.7	-26.5	35.1	17.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	63,000	92,214	48.9	-0.5	-1.7	-12.4	17.9	18.3	15.5	4.4	3.9	18.2	17.7	27.3	26.0
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	73,900	144,093	5.8	0.3	-0.4	-0.1	-9.9	40.6	27.9	4.1	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	52,300	35,127	2.5	-0.2	-1.1	-0.4	-21.2	19.5	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	40,850	51,904	17.6	-0.6	-3.5	0.1	-18.1	22.8	19.1	2.1	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	112,000	27,145	49.0	-1.1	-1.8	-8.2	23.5	26.7	17.1	4.2	3.1	-2.6	55.7	17.0	23.5
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,000	30,444	2.3	-1.1	-2.6	-4.1	23.8	17.2	15.6	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	167,700	107,543	62.7	1.6	1.6	7.8	9.3	30.5	24.3	5.1	4.6	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	20,250	30,175	22.1	-1.0	-4.9	8.9	-35.8	8.3	7.7	1.5	1.2	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	22,950	43,266	21.9	0.4	-0.6	8.3	-20.0	14.1	13.1	1.3	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	36,600	128,499	22.5	-0.5	-0.7	3.1	-25.3	7.1	6.0	1.4	1.1	46.1	18.5	21.7	20.7
Tien Phong Bank	TPB VN	27,000	42,707	30.0	-1.5	-4.6	3.8	10.8	8.3	11.7	1.6	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	73,900	349,733	23.5	1.4	1.9	-1.5	-1.8	17.6	13.2	3.2	2.5	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	58,700	255,601	23.2	-0.3	-0.3	-7.1	-30.4	6.5	7.9	2.0	1.7	40.9	-18.0	36.9	22.9
Vingroup JSC	VIC VN	66,100	252,101	12.2	-1.8	-3.5	-11.4	-28.6	#N/A	72.7	2.5	2.5	-145.6	232.7	-2.8	3.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,100	67,756	16.8	-0.6	-0.7	-2.5	9.7	900.0	44.7	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	72,000	150,477	54.7	-1.2	-1.6	0.7	-19.0	15.9	16.6	4.5	4.4	-5.3	-4.2	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	27,700	123,140	17.6	0.2	-1.8	-1.6	-12.1	10.5	6.4	1.6	1.2	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	26,050	59,194	31.8	-1.0	-1.0	-5.4	-2.6	45.1	26.6	1.9	1.8	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.